



xīn xuè lái cháo

心血来潮

idiom (verb phrase) · to have a sudden impulse; on a whim

Example Sentences

tā xīn xuè lái cháo jué dìng qù pá shān
他心血来潮，决定去爬山。

He had a sudden impulse and decided to go hiking.

bié xīn xuè lái cháo jiù luàn huā qián
别心血来潮就乱花钱。

Don't spend money recklessly on a whim.

Trace each character, then write the word on your own.

心	心	心	心	心	心	心				
血	血	血	血	血	血	血	血	血		
来	来	来	来	来	来	来	来	来	来	
潮	潮	潮	潮	潮	潮	潮	潮	潮	潮	潮
潮	潮	潮	潮	潮	潮	潮				